

# Mô hình phân tích xã hội theo lý thuyết xã hội học vi mô

Vũ Hào Quang\*

*Học viện Báo Chí và Tuyên Truyền, 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

**Tóm tắt:** Trong lý thuyết xã hội học, tồn tại hai dòng lý thuyết chính thống ngay từ khi nó trở thành một khoa học độc lập, đó là lý thuyết xã hội học vi mô và vĩ mô. Cách tiếp cận vi mô xem xã hội là kết quả của quá trình hành động xã hội, tương tác xã hội, quan hệ xã hội diễn ra từ cấp độ nhỏ nhất giữa các cá nhân với nhau cho tới các nhóm xã hội rồi xã hội tổng thể. Lý thuyết xã hội học vĩ mô phân tích xã hội ở cấp độ vĩ mô tức là các quan hệ xã hội diễn ra trong các tầng lớp, giai cấp, cộng đồng, nhóm xã hội, tổ chức xã hội trong một tổng thể xã hội với tư cách là một hệ thống hay một cơ thể xã hội. Tiếp cận vĩ mô coi con người và hành vi xã hội hay hành động xã hội của nó như là một kết quả được tạo ra bởi sự vận hành các chức năng đã được cấu trúc trong xã hội. Bài báo này chỉ phân tích cách tiếp cận vi mô xã hội và đề xuất mô hình phân tích xã hội trên cơ sở phân tích các khái niệm cơ bản trong xã hội học vi mô.

**Từ khóa:** Hành vi, hành động, hành vi xã hội, hành động xã hội, tiếp xúc xã hội, tương tác xã hội, Quan hệ xã hội, xã hội, lý thuyết xã hội học vi mô.

## 1. Đặt vấn đề

Trong lý thuyết xã hội học hiện đại các nhà lý thuyết thừa nhận một cách rộng rãi các dòng lý thuyết chủ đạo là lý thuyết vi mô và vĩ mô. Lý thuyết vi mô cho rằng, xã hội được cấu tạo bởi những con người với những mục đích cụ thể của họ, bản chất của xã hội mang tính nhân văn và xã hội do con người kiến tạo nên bởi các quan hệ xã hội của nó. Trong khi đó, Lý thuyết xã hội học vĩ mô cho rằng, con người là sản phẩm của xã hội, do xã hội khuôn đúc, nặn lên (E. Durkheim) [3]. Muốn phân tích xã hội cần phải xem nó như một tổng thể có cấu tạo phù hợp với chức năng xác định cũng giống như cơ thể của một con người (A. Comte; E. Durkheim; H. Spencer). Một tiếp cận độc đáo khác cũng được xếp vào hàng các lý thuyết vĩ mô đó là cấu trúc luận Mác xít trong đó bao gồm cả thuyết cấu trúc xã hội lẫn thuyết xung

đột (còn gọi là thuyết đấu tranh giai cấp) của Mác [6]. Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ đề cập đến một số lý thuyết chính thuộc dòng lý thuyết vi mô với những khái niệm cơ bản của nó để xây dựng một khung lý thuyết phân tích xã hội. Điều này được bắt đầu bằng việc sử dụng các khái niệm cơ bản của trong các lý thuyết xã hội học vi mô của M. Weber, G. Simmel, G. Mead. M. Weber là nhà lý thuyết xã hội học kinh điển có vai trò khởi thủy đối với dòng lý thuyết vi mô trong Xã hội học với lý thuyết hành động xã hội nổi tiếng của ông. Theo M. Weber, muốn hiểu được xã hội phải cắt nghĩa hay lý giải động cơ hành động của con người trong những điều kiện lịch sử, văn hóa xã hội cụ thể tức là ý nghĩa chủ quan của hành động của chủ thể có liên quan đến hành vi của người khác như thế nào. Quan điểm phân tích xã hội từ phân tích hành động xã hội được coi là nhiệm vụ đồng thời cũng là đối tượng của xã hội học do M. Weber đề xuất [7]. M. Weber gọi hành vi của cá nhân gắn với ý nghĩa chủ quan

\*ĐT.: 84-913372726

Email: vuhaoquang@gmail.com

(субъективный смысл/subjective meaning) là hành động xã hội. Mỗi cá thể và hành vi của nó là “tế bào” của các khoa học Xã hội học và Sử học, nói cách khác, nó là đơn vị phân tích nhỏ nhất không thể phân chia được nữa. Xã hội học cũng nghiên cứu hành vi như Tâm lý học nhưng Xã hội học chỉ nghiên cứu loại hành vi mà chủ thể hành động (một người hoặc một nhóm người) lý giải và thông hiểu được ý nghĩa của nó có liên quan đến hành vi của người khác như thế nào. Chính ranh giới “tinh tế” này mà có một số người chưa có điều kiện tiếp cận với các tác phẩm kinh điển của M. Weber có thể bị nhầm lẫn giữa khái niệm hành vi trong tâm lý học với hành vi trong xã hội học cũng như hành động và hành động xã hội [7]. Bên cạnh và cùng thời với M. Weber, ở Đức còn có một nhà lý thuyết nổi tiếng khác nữa là G. Simmel (1858-1918) đưa ra khái niệm tương tác xã hội cũng rất gần với khái niệm hành động xã hội của Weber. Tuy nhiên khái niệm tương tác xã hội của G. Simmel chú ý tới hình thức tương tác và các loại tác nhân trên cơ sở đó giải thích các hình thức quan hệ xã hội trong các nhóm hai người, ba người và vai trò của “kẻ lạ” trong việc hình thành và biến đổi các quan hệ, liên kết trong nhóm cũng như giữa các nhóm xã hội thành nhóm lớn ( xã hội). M. Weber coi hành động xã hội là đơn vị nhỏ nhất, cơ bản để hình thành nên các quan hệ xã hội và xã hội nói chung ( văn hóa, tôn giáo, chính trị, trật tự xã hội, thiết chế xã hội...). Khái niệm hành động xã hội (Weber), tương tác xã hội (Simmel) đã trở thành các khái niệm nền tảng, kinh điển đối với các lý thuyết vi mô như: Tương tác biểu trưng (H. Mead), thuyết Trao đổi xã hội (G. Homans; P. Blau), thuyết Trao đổi trong mạng lưới xã hội (R. Emerson), thuyết Phương pháp luận thực hành (H. Garfinkel) v.v. Vào khoảng những năm 1980 của thế kỷ XX đã nổi lên trào lưu tích hợp hai dòng lý thuyết vi-vĩ mô trong phân tích xã hội (P. Blau; H. Blumer). Vào những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, ngay trong các lý thuyết vi mô đã có xu hướng tích hợp vĩ mô và ngược lại. Tuy nhiên, việc tích hợp vi- vĩ mô có xu hướng cực đoan, tức là quá thiên về thuyết vi mô. Do vậy, việc giới thiệu một khung lý thuyết phân tích xã hội

theo mô hình các lý thuyết vi mô đây là rất cần thiết để giúp cho các nhà nghiên cứu và giảng dạy xã hội học ở Việt Nam có thêm tư liệu để đối chiếu, so sánh với các tư liệu đã có nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy nghiên cứu và truyền bá xã hội học.

## 2. Một số đặc trưng cơ bản của các thuyết xã hội học vi mô

Các lý thuyết xã hội học vi mô đều bắt nguồn từ việc nghiên cứu hành vi, hành động, tương tác, quan hệ xã hội giữa con người trong phạm vi và quy mô nhỏ để từ đó khái quát và suy rộng ra xã hội lớn, xã hội tổng thể. Các nhà lý thuyết xã hội học vi mô đều coi con người là nhân vật chủ thể cấu tạo nên xã hội thông qua các hình thức quan hệ xã hội của nó. Con người xã hội được cấu trúc bởi hai phần là phần xã hội và phần cá thể mang tính loài (con). Phần cá thể (individual) bao gồm các nhân tố sinh học ( cơ thể), các thuộc tính tâm sinh lý cá thể, các sở hữu vật chất tinh thần cá thể ( kể cả cái tự do với tư cách là quyền con người đối với nhà nước hay xã hội). Phần xã hội bao gồm các sản phẩm văn hóa do cá nhân (person) tạo ra trong quá trình lao động cùng với người khác. Cá nhân trong đời sống xã hội phải tương tác với người khác dưới nhiều hình thức và cấp độ khác nhau để tồn tại. Từ đây các lý thuyết khác nhau có cách lý giải khác nhau. Thuyết hành động xã hội của M. Weber cho rằng, trong quá trình hành động xã hội các cá nhân sử dụng công cụ là các tư duy duy lý gắn liền với các hành động có mục đích, có ý thức hoặc hành động vì một giá trị nào đó. Đây là hai điển loại hành động quan trọng nhất đối với phân tích xã hội học về xã hội. Ngoài ra Weber còn nêu ra hai điển loại hành động khác đó là hành động thiên về tình cảm xúc cảm và hành động truyền thống theo thói quen xã hội. Theo M. Weber, thuyết hành động xã hội phân tích xã hội từ cấp độ nhỏ nhất là hai người đến toàn bộ xã hội tổng thể nhờ vào việc phân tích các điển loại hành động xã hội tức là một mô hình phân tích về tính đặc trưng phổ biến của xã hội cả quá khứ, hiện tại lẫn tương lai. Các hành vi và hành động cá nhân

là nhân tố đơn giản nhất thuộc cấp độ phân tích tâm lý học cá nhân, không phải nhiệm vụ chính của phân tích xã hội học. Tuy nhiên hành vi xã hội, hành động xã hội lại là khái niệm khởi thủy để phân tích xã hội. Nhà xã hội học cần phải cắt nghĩa (hay thông hiểu) động cơ thúc đẩy hành động là cái thuộc về nhân tố duy lý mục đích, duy lý giá trị hay chỉ là các nhân tố xúc cảm hoặc nhân tố truyền thống, thói quen xã hội. Hơn nữa, trong quá trình thực hiện hành động xã hội bắt buộc phải có hành vi định hướng vào đối tượng, tức là người khác (chứ không phải là đối tượng phi con người, ví dụ: thức ăn). Xã hội học là khoa học nghiên cứu hành động xã hội. Hành động xã hội là hành vi được chủ thể gắn vào đó ý nghĩa chủ quan của mình trên cơ sở đó cắt nghĩa, thông hiểu và định hướng vào hành vi của người khác. Trong khi đó, Tâm lý học giải thích cái thúc đẩy hành động của con người là nhu cầu và việc thỏa mãn nhu cầu của cá nhân; Tâm lý học nghiên cứu quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý cá nhân. Đó là điểm khác biệt về đối tượng nghiên cứu của Xã hội học và tâm lý học theo quan điểm của M. Weber.

Để hiểu được hành vi xã hội và hành động xã hội, xã hội học cũng phải “vay mượn” khái niệm hành vi và hành động của Tâm lý học.

Hành vi là phản ứng xác định, có thể đo lường, nhận thức được của cơ thể đối với các kích thích từ bên trong hay bên ngoài [1,27]. Năm 1913, John B. Watson cho rằng, nghiên cứu nhận thức của cá nhân bằng phương pháp tự kiểm tra, đánh giá không thể đưa ra những kết quả khách quan vì nó bị khúc xạ bởi lăng kính chủ quan. Chỉ có thể nghiên cứu chính xác, khách quan bằng phương pháp thực chứng tức là đo đạc các biến số tác động thông qua các phản ứng của cơ thể trước những kích thích từ trong hay ngoài. Cơ thể bao chứa tổ hợp các phản ứng hay năng lực phản ứng trước các kích thích. Nói cách khác, kích thích nào thì phản ứng nấy theo công thức  $S \rightarrow R$ . Trong khoa học hành vi, người ta luôn nhắc tới phát kiến quan trọng của nhà sinh lý học người Nga có tên Pavlốp về phản xạ có điều kiện đã được nhận giải thưởng Nobel năm 1904. Những kết quả

nghiên cứu mô hình  $S \rightarrow R$  của B.F. Skinner trên chim bồ câu khẳng định các phản xạ có điều kiện hay các kích thích được củng cố sẽ biến thành tập tính của động vật. Mỗi quan hệ của cơ thể (động vật) đối với các loại kích thích qua tương quan thưởng- phạt đã được Pavlốp phát hiện trên thí nghiệm với con chó đã được vận dụng triệt để để giải thích hành vi con người trong các thuyết hành vi. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong nghiên cứu giáo dục cũng như điều chỉnh hành vi trong quan hệ người.

Tuy nhiên, thuyết hành vi chịu nhiều phê phán từ các nhà xã hội học và tâm lý học xã hội; cho rằng, thuyết hành vi chỉ mô tả được những cái mà con người đã và đang làm chứ không mô tả được những cái mà con người đang nghĩ, đang cảm giác. Mặc dù thuyết hành vi bị phê phán, các nhà tâm lý học xã hội và xã hội học (G.H.Mead; G. Homans) vẫn sử dụng triệt để khái niệm hành vi với một cái tên mới là hành vi xã hội trong lý thuyết tương tác xã hội của mình nhưng nhấn mạnh vai trò của ý thức cá nhân.

Hành vi xã hội được sử dụng từ thuyết hành động xã hội của M. Weber cho đến các lý thuyết tương tác biểu trưng của H. Mead và thuyết trao đổi xã hội của G. Homans. Đối với H. Mead, hành vi xã hội được hiểu là loại hành động có ý nghĩa và hướng vào người khác. Điều này biểu hiện rõ trong khái niệm cái tôi cá nhân (self) mà ông coi là phức hợp của cái tôi cá thể (I) và cái tôi xã hội (Me)[3]. Vì thế phân tích xã hội thực chất là phân tích tương tác xã hội giữa các cá nhân, xã hội được hình thành từ các cá nhân(self).

Hành động (The act) [3] của con người trải qua bốn giai đoạn. Giai đoạn đầu có tên là “kích thích”. Trong giai đoạn hành động này, hành vi của con người giống động vật tức là bị chi phối bởi quan hệ  $S \rightarrow R$ . Tuy nhiên, con người không phản ứng như động vật. Nó lưu trữ lại các kích thích đó để phân tích. Ví dụ: trạng thái đói kích thích con người muốn ăn. Giai đoạn hai có tên “nhận thức”. Trong giai đoạn hai, con người nghiên cứu khám phá nội dung của kích thích thông qua các thao tác: nghe, nhìn, sờ, ngửi v.v.

Giai đoạn ba có tên “thao tác hoá đối tượng”. Khi đã nhận thức được đối tượng qua việc nghiên cứu bằng nhận thức và các giác quan của mình, con người thao tác hoá các đối tượng đó qua việc kiểm tra lại các thông tin trên đối tượng có phù hợp với tri thức hay sự hiểu biết của chủ thể về đối tượng đó không; tri hoãn việc trả lời kích thích để kiểm tra độ chân thực của nhận thức. Ví dụ: trông thấy cây nấm, hái nấm, quan sát hình thù và màu sắc cây nấm, nhớ lại những hiểu biết về nấm, tìm sách hướng dẫn việc ăn nấm [3,194-196]v.v. Giai đoạn bốn có tên “hoàn thành hành động” hay “thực hiện hành động”. H. Mead chỉ rõ việc thoả mãn cái đối của con người và con vật khác nhau. Con vật thoả mãn cái đối bởi quy tắc thử và sai, con người nhờ có ý thức và biểu trưng nên đã kiểm tra và tính toán kỹ các giai đoạn của hành động nên nó chỉ hành động khi hiểu rõ về đối tượng.

Theo Mead, hành động khác với hành động xã hội ở chỗ hành động chỉ liên quan tới một cá nhân hay một con người, trong khi hành động xã hội liên quan ít nhất từ hai cá nhân trở lên[3,98]. Khái niệm hành động xã hội được coi là đơn vị nhỏ nhất trong quan hệ xã hội được các nhà xã hội học vi mô thừa nhận trong phân tích xã hội. Từ khái niệm hành động xã hội, các nhà xã hội học lý giải các quan hệ cá nhân và liên cá nhân trong nhóm và giữa các nhóm tạo thành xã hội. Xã hội được hiểu là một nhóm lớn gồm nhiều nhóm nhỏ mà hạt nhân là các cá nhân. Cá nhân là người thực hiện hành động xã hội. Hành động xã hội tồn tại với điều kiện là phải có ít nhất từ hai người trở lên có tác động qua lại với nhau. Vì vậy, việc thực hiện hành động xã hội thực chất đã là tương tác xã hội. Tuy nhiên, người khởi thủy thuyết hành động xã hội là M. Weber chưa sử dụng khái niệm tương tác xã hội. Khái niệm tương tác xã hội được sử dụng đầu tiên trong xã hội học của Georg Simmel với tư cách là sự tác động tương hỗ giữa hai hoặc nhiều cá nhân. Việc phân tích xã hội ở cấp độ vi mô là phân tích tương tác nhóm hai người, nhóm ba người. Việc phân tích các hình thức tương tác (forms of interaction) và các loại hình tác nhân (types of interactants) là nhiệm vụ quan trọng của xã hội học. Quan

niệm của G. Simmel về tương tác xã hội, về triết lý đồng tiền, về nhóm hai người, nhóm ba người, nhân vật lạ (stranger) v.v., đã ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà xã hội học Chicago những năm 1920-1930[3,36-37], đặc biệt là trường phái tương tác biểu trưng Chicago mà người đứng đầu là H. Mead và người tiếp theo là H. Blumer.

Tương tác xã hội là quá trình thực hiện các hành động xã hội giữa hai hay nhiều cá nhân. Thuyết tương tác biểu trưng nhấn mạnh vào ý nghĩa biểu trưng trong tương tác xã hội. Để cắt nghĩa khái niệm tương tác biểu trưng, Mead đưa ra khái niệm điệu bộ và các biểu trưng ý nghĩa.

Điệu bộ (gesture) là những cử chỉ của cơ thể thứ nhất có tác động như một kích thích đặc thù gây ra phản ứng có tính phù hợp (xã hội) của cơ thể thứ hai. Điệu bộ có ở cả động vật lẫn ở người. Tuy nhiên, vì con người có ý thức nên việc sử dụng điệu bộ phức tạp hơn nhiều so với con vật. Điệu bộ là một dạng biểu trưng của con người trong giao tiếp xã hội. Điệu bộ có chức năng điều chỉnh những hành vi trong khung cảnh cụ thể có liên quan đến hành vi hay thái độ của những người tham gia tương tác[2,46]. Ví dụ, người mẹ nhăn mặt khi đưa con của mình làm cái gì đó, điệu bộ nhăn mặt thông báo cho đứa con biết là việc đó không nên làm vì mẹ nó không đồng ý. Điệu bộ có ý nghĩa chỉ có ở con người nhờ khả năng giao tiếp bằng lời và ý thức. Ngôn ngữ là loại điệu bộ có ý nghĩa. Ví dụ: khi ta nói từ chó hay từ mèo thì người nghe đã hình dung được ý nghĩa của từ đó. Biểu trưng ý nghĩa là những gì mà chủ thể thứ nhất phát ra đều được các chủ thể thứ hai hoặc thứ ba hiểu và cắt nghĩa tương tự. Trong quá trình tương tác xã hội, các mối quan hệ xã hội được thiết lập. Con người trong truyền thông hay giao tiếp thường hình dung về vị trí của người khác để đóng vai dựa trên các ý nghĩa biểu trưng chung. Trong quá trình đóng vai, cá nhân nhận dạng được chỗ đứng của mình trong quan hệ với người khác. Trong khoa học xã hội (Tâm lý học, nhân chủng học và xã hội học), người ta phân biệt 2 cấp độ hành động của con người là: hành vi, hành động (cấp độ phân tích tâm lý

học), hành vi xã hội, hành động xã hội (cấp độ phân tích xã hội học). Khi nói tới hành vi thuần túy của con người đó chính là loại hành vi cá thể được xem xét trong lĩnh vực tâm lý học (không quên rằng, khái niệm hành vi còn được sử dụng cho cả máy móc với tư cách là sự di động của máy móc trong không gian).

Tiếp theo sau thuyết hành động xã hội của M. Weber, thuyết tương tác xã hội của G. Simmel, thuyết tương tác biểu trưng của H. Mead là các thuyết Trao đổi xã hội của P. Blau, G. Homans, thuyết Trao đổi mạng lưới của R. Emerson, thuyết Phương pháp luận thực hành của H. Garfinkel cũng được xếp vào thuyết xã hội học vi mô.

### 3. Các khái niệm cơ bản và mô hình phân tích xã hội

Như đã trình bày ở trên, chúng ta cần bắt đầu từ những khái niệm khởi thủy mà Lý thuyết xã hội học vi mô vay mượn hay lấy nguồn gốc từ Tâm lý học.

Hành vi (behavior) tuân thủ quy tắc  $S \rightarrow R$ , tức là cứ có kích thích thì có phản ứng phù hợp với tính chất của kích thích đó [5,34]. Trong quá trình thực hiện hành vi, cơ thể không cần sử dụng tới nhận thức hay ý thức hoặc người phân tích hành vi không quan tâm đến vai trò của nhân tố ý thức. Hành vi là động tác hay sự di chuyển cơ thể (người, động vật). Hành vi là phản ứng của cơ thể đối với một kích thích nào đó.

Hành động (action) là hành vi của con người có kèm theo ý nghĩa và mục đích nhất định. Nói theo ngôn ngữ tiên hoá, hành động là loại hành vi có kèm theo ý nghĩa chủ quan của cá nhân để thực hiện một mục đích nào đó. Tuy nhiên cấp độ phân tích hành động và ý nghĩa cũng như mục đích của hành động thuộc phạm trù nghiên cứu của Tâm lý học.

Hành vi xã hội (social behaviors) là hành động có mục đích có ý nghĩa và hướng (định hướng) tới người khác [1]. Khái niệm hành vi xã hội được Weber sử dụng để miêu tả hành động xã hội [7,625-633]. Như vậy hành vi

xã hội nằm ở cấp độ cao và phức tạp hơn hành động cá nhân. Nếu một người thực hiện một hành động có ý nghĩa có mục đích nhưng không liên quan đến người khác thì hành động đó không phải là hành vi xã hội. Hành động xã hội được M. Weber định nghĩa là loại hành vi được định hướng vào hành vi quá khứ, hành vi hiện tại và hành vi kỳ vọng (tương lai gần) của những người khác. Loại hành vi định hướng vào người khác chính là hành vi xã hội vì nó liên quan đến những người khác. Khái niệm hành động xã hội và hành vi xã hội được M. Weber sử dụng tương tự như nhau trong trường hợp hành động ngoài. Những loại hành động định hướng vào các hành vi của các đối tượng bên ngoài không phải con người không được gọi là hành động xã hội. Các loại hành động bên trong (tâm lý) cũng không gọi là hành động xã hội nếu nó không định hướng vào hành vi của những người khác. M. Weber coi hành động xã hội là hành động cá nhân (cả trong lẫn ngoài) định hướng vào hành vi của người khác trên cơ sở cái ý nghĩa chủ quan của chủ thể hành động (7, 602-603). Như vậy, hành động xã hội trước tiên phải là loại hành động tâm lý của cá nhân tức là hành động đó có mục đích có ý nghĩa (giá trị), sau đó là năng lực định hướng (thông hiểu) của chủ thể vào đối tượng, tức là tính toán tới khả năng phản ứng từ phía đối tác để điều chỉnh hành vi của mình. Trong quá trình hành động con người hoàn toàn tự điều chỉnh hành vi theo ý nghĩa chủ quan của chính bản thân cho phù hợp với hoàn cảnh, tình huống vì thế phải coi nó như là chủ thể hành động chứ không phải là một diễn viên chỉ khoác cái "vai" của người khác một cách thụ động.

Từ những lập luận trên, tôi định nghĩa hành động xã hội như sau: Hành động xã hội là hành động có mục đích có ý nghĩa của cá nhân trên cơ sở định hướng tới hành vi của người khác và có tính toán cân nhắc tới phản ứng đáp lại của người đó.

Hành động xã hội là loại hành vi xã hội không những chỉ có ý nghĩa chủ quan của chủ thể hành động có liên quan đến người khác mà còn có thêm một thuộc tính nữa là trạng thái chờ đợi sự phản ứng từ phía người khác theo

cách cắt nghĩa, suy nghĩ của chính chủ thể hành động đó. Ví dụ: Mua hoa tặng bạn gái nhân ngày sinh nhật; Khi người bạn trai tặng hoa bạn gái, trong đầu anh ta xuất hiện ý nghĩ về phản ứng từ phía bạn gái: sự vui vẻ, nụ cười, lời cảm ơn từ phía bạn gái của mình; và cũng có thể là sự thờ ơ, thậm chí phản ứng tiêu cực của bạn gái... Như vậy hành động xã hội xuất phát từ người thứ nhất có liên quan tới hành động của người thứ hai. Trạng thái chờ đợi phản ứng của chủ thể thứ nhất (hành động xã hội diễn ra bên trong) đối với chủ thể thứ hai để tiếp tục chuẩn bị phương án “ứng phó” với phản ứng của chủ thể thứ hai chính là điểm khác biệt giữa hành động xã hội và hành vi xã hội. Hành vi xã hội diễn ra bên ngoài là kết quả của quá trình “thông hiểu (understanding)” diễn ra bên trong chủ thể hành động.

Sự khác nhau giữa hành động xã hội và hành vi xã hội chỉ phân biệt ở một điểm đó là hành vi xã hội không tính toán, chờ đợi phản ứng đáp lại từ phía người khác, trong khi hành động xã hội có đầy đủ các thuộc tính của hành vi xã hội đồng thời có thêm một thuộc tính nữa là sự chờ đợi khả năng phản ứng lại từ phía người khác.

Tiếp xúc xã hội (social contact) là một cặp của hành động xã hội, một hình thức đầu tiên của tương tác xã hội. Tiếp xúc xã hội là loại tương tác xã hội một lần hoặc loại tương tác ít khi lặp lại. Tiếp xúc xã hội là loại hành động xã hội diễn ra giữa hai hoặc nhiều chủ thể (cá nhân) một lần hoặc ngẫu nhiên. Ví dụ: Hai người tình cờ gặp nhau trên xe buýt, tán gẫu vài chuyện cho vui, sau đó không gặp lại nhau nữa; Hai nhà khoa học gặp nhau trong một hội thảo khoa học quốc tế, sau đó không bao giờ gặp lại nhau nữa v.v.

Tương tác xã hội là loại tiếp xúc xã hội một cách thường xuyên. Tương tác xã hội chỉ có thể xảy ra khi có ít nhất hai chủ thể hành động trở lên có tác động tương hỗ với nhau nhiều lần.

Tương tác xã hội lặp lại (repeated interaction) là loại tương tác ngẫu nhiên không có kế hoạch không chủ đích nhưng nó vẫn được lặp lại. Ví dụ: các thành viên trong gia đình

thường xuyên tương tác với nhau nhưng không đặt ra một kế hoạch nào cụ thể.

Tương tác thường xuyên, phổ biến (regular interaction) là loại tương tác lặp lại và diễn ra thường xuyên. Ví dụ: tương tác giữa cán bộ trong một cơ quan, tương tác giữa các công nhân trong xí nghiệp, nhà máy v.v.

Tương tác xã hội có một thuộc tính quan trọng đó là việc các chủ thể sử dụng ý nghĩa biểu trưng. Biểu trưng định nghĩa hay xác định các quan hệ xã hội, nếu thiếu biểu trưng hành động của chúng ta cũng chẳng hơn gì hành vi của động vật (sử dụng các điệu bộ).

Tương tác có điều tiết (regulated interaction) là loại tương tác thường xuyên nhưng được điều chỉnh bởi những lý do nào đó để hình thành những mối liên hệ xã hội hay quan hệ xã hội có tính chất riêng, đặc thù theo từng nhóm xã hội. Các loại tương tác này được điều chỉnh bởi hệ thống luật pháp, thói quen xã hội, truyền thống. Ví dụ: Những cán bộ trong một cơ quan tuân thủ quy chế làm việc, pháp luật của nhà nước, nếu người nào vi phạm những điều nói trên sẽ bị phạt theo mức độ vi phạm.

Quan hệ xã hội được hình thành trên cơ sở của những tương tác xã hội (4,88) đã được điều chỉnh, tức là mối liên hệ giữa các thành viên thường xuyên, tương tác được lặp đi lặp lại tạo thành các đường dây kết nối các chủ thể hành động lại với nhau tạo nên quan hệ xã hội.

Quan hệ xã hội là một hệ thống các tương tác xã hội. Quan hệ xã hội là nơi các hành động xã hội diễn ra thường xuyên, lặp đi lặp lại, nhờ đó mà nó hình thành các mô hình quan hệ xã hội để từ đó tạo ra các nhóm xã hội hay các dạng xã hội, các thiết chế xã hội hay các tổ chức xã hội với những cấu trúc xã hội xác định.

Từ những phân tích trên, chúng ta có thể vẽ ra một mô hình tiến hoá hành động xã hội theo các thuyết xã hội học vi mô như sau :

Hành vi → hành động → hành vi xã hội → hành động xã hội → tiếp xúc xã hội → tương tác xã hội → tương tác xã hội lặp lại → tương tác xã hội phổ biến → tương tác xã hội đã được điều chỉnh → Quan hệ xã hội → xã hội.

Lược đồ trên cho phép nhà phân tích xã hội có thể tiếp cận theo phương pháp diễn dịch tức là đi từ xã hội (cái tổng thể, cái chung) đến các hành vi xã hội (cái đơn nhất, cái riêng) hoặc phương pháp qui nạp tức là tổng hợp từ các hành vi đến các quan hệ xã hội rồi đến xã hội.

#### 4. Kết luận

Trong xã hội học kinh điển, ngay từ thời kỳ đầu đã xuất hiện hai dòng lý thuyết chính là lý thuyết xã hội học vi mô và vĩ mô. Cho đến nay, các dòng lý thuyết chính thống đó vẫn tồn tại và phát triển ngày càng phức tạp và hoàn thiện hơn. Lý thuyết xã hội học vi mô được khởi đầu bởi M. Weber với lý thuyết hành động xã hội; G. Simmel với lý thuyết tương tác xã hội. Lý thuyết xã hội học vĩ mô được khởi đầu bởi thuyết chức năng của E. Durkheim và thuyết tiến hóa xã hội của H. Spencer, cấu trúc luận của K. Marx. Cả hai thuyết đều tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa con người và xã hội. Tuy nhiên hai cách tiếp cận là khác nhau. Thuyết vi mô nhấn mạnh vai trò chủ động, tích cực và có ý thức của cá nhân được thể hiện trong các tương tác xã hội các quan hệ xã hội là yếu tố quyết định tạo ra xã hội. Thuyết chức năng nhấn mạnh vai trò của chức năng xã hội được cấu trúc tiềm tàng trong cơ thể xã hội (cấu trúc xã hội) là nhân tố có trước khách quan

quyết định hành động xã hội của cá nhân. Hai cách tiếp cận vi mô và vĩ mô đều thể hiện cả mặt tích cực lẫn phiên diện thiếu sót trong việc phân tích xã hội. Vì thế, lý thuyết xã hội hậu hiện đại đi tìm cách tiếp cận tích hợp hai lý thuyết vi-vĩ mô. Bài viết “Mô hình phân tích xã hội theo lý thuyết xã hội học vi mô” đã trình bày và phân tích các khái niệm cơ bản trong xã hội học vi mô trên cơ sở đó đưa ra mô hình lý thuyết phân tích quá trình hình thành và tiến hóa của quan hệ cá nhân-xã hội.

#### Tài liệu trích dẫn

- [1] Gordall Marshall. The Concise Oxford Dictionary of Sociology, Oxford university Press, 1994.
- [2] G.H.Mead, (1934/1962). Mind, self, and society. Chicago: University of Chicago Press.
- [3] G. Ritzer, Modern Sociological Theory, McGraw Hill Book, 1996.
- [4] John Scott, Social Theory: Central Issues in Sociology, SAGE Publications Ltd, 2006.
- [5] Bryan, S. Turner, The Cambridge Dictionary of Sociology, Cambridge University Press, 2006.
- [6] Bryan S. Turner, Classical Sociology, SAGE Publications Inc, 1999.
- [7] M. Вебер, Избранные произведения, Москва “прогресс”, 1990. ( M. Weber tuyển tập, nguyên bản dịch từ tiếng Đức sang tiếng Nga, Nhà xuất bản Tiên bộ, Matxcova, 1990)

## Social Analysis Model in Micro-Sociological Theory

Vũ Hào Quang

*The Academy of Journalism and Communication, 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội*

**Abstract:** There are two main theories in sociology as an independent social science: the micro-sociological theory and the macro-sociological theory.

The micro approach views the formations of society as outcome of a chain reaction that comes from the smallest degrees of social actions, social interactions and social relations among individuals, social groups and the society as a whole.

Meanwhile, the macro approach analyzes society at the macro level which means looking at social relations among classes, castes, communities, social groups, social organizations, and social institutes

within a society as a system or a social body. This approach considers individual and its social behavior or social action as a result of the operation of multi functions that were structured within the society.

This article analyzes the macro approach and proposes a model for social analysis which is based on analysis of basic definitions in sociological macro approach theory.

*Keywords:* Behavior, action, social behavior, social action, social contract, social interaction, social relation, society, micro-sociological theory.